

THÔNG BÁO

Về việc đẩy mạnh tuyên truyền các chế tài xử lý vi phạm trong lĩnh vực hóa đơn điện tử và hướng dẫn người nộp thuế công cụ tra cứu hóa đơn điện tử theo quy định tại Nghị định số 123/2020/NĐ-CP và Thông tư số 78/2021/TT-BTC

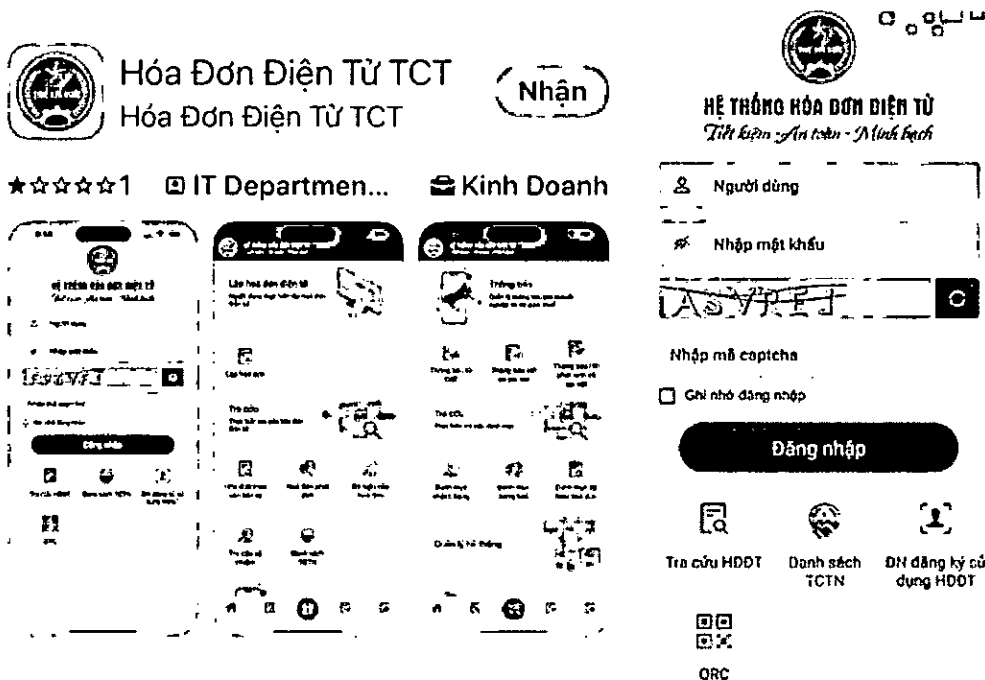
Năm 2023, Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh đã thông tin đến người nộp thuế trên địa bàn Thành phố về các hành vi bị nghiêm cấm trong quản lý thuế và hành vi bị nghiêm cấm trong lĩnh vực hóa đơn, chúng tôi thường gặp tại Thông báo số 7592/TB-CTTPHCM ngày 25 tháng 4 năm 2023.

Để hỗ trợ người nộp thuế tránh bị xử phạt hành vi vi phạm trong lĩnh vực hóa đơn, Cục Thuế Thành phố hướng dẫn người nộp thuế công cụ tra cứu hóa đơn điện tử và tăng cường thông tin đến người nộp thuế các chế tài xử phạt đối với từng hành vi vi phạm trong lĩnh vực hóa đơn như sau:

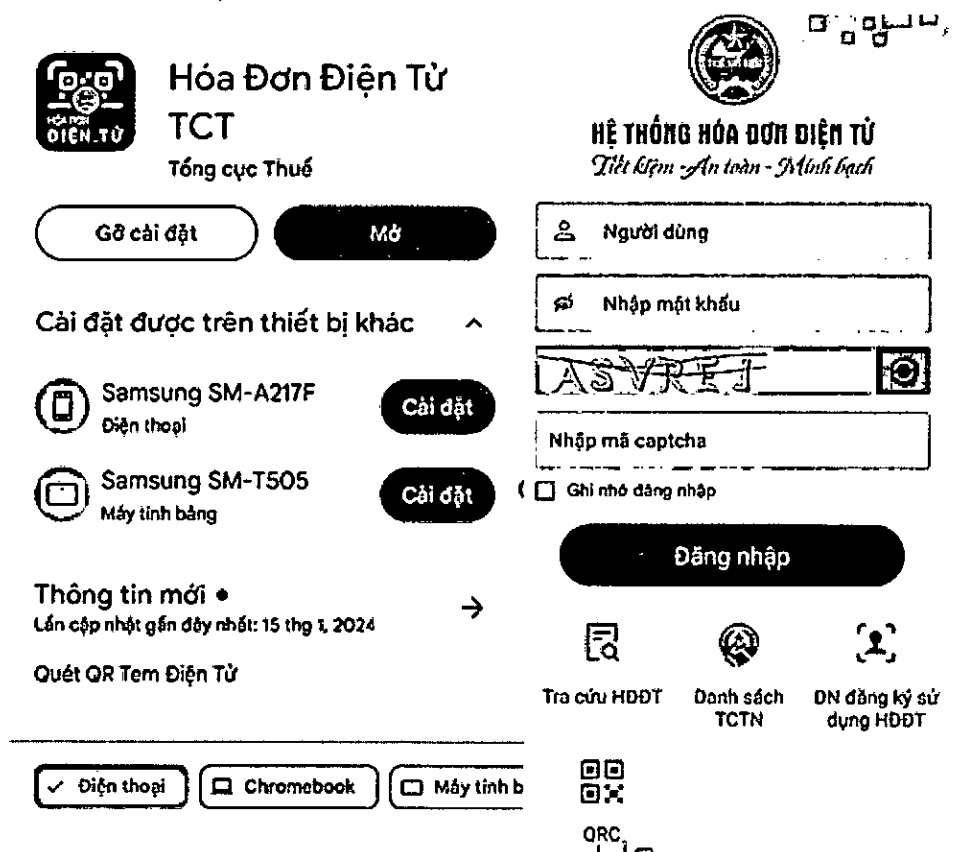
I. Hướng dẫn người nộp thuế công cụ tra cứu hóa đơn điện tử

Cục Thuế Thành phố khuyến cáo người nộp thuế thường xuyên truy cập vào Hệ thống hóa đơn điện tử trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan thuế (hoadondientu.gdt.gov.vn) và ứng dụng “Hóa Đơn Điện Tử TCT” tại App Store (hệ điều hành Ios), tại CH Play (hệ điều hành Android) để tra cứu, đối soát hóa đơn hàng hóa dịch vụ mua vào, bán ra để kiểm tra tính hợp lệ của hóa đơn, kịp thời phát hiện các hóa đơn không hợp pháp.

- Hình ảnh nhận diện ứng dụng “Hóa Đơn Điện Tử TCT” trên App Store (hệ điều hành Ios):



- Hình ảnh nhận diện ứng dụng “Hóa Đơn Điện Tử TCT” trên CH Play (hệ điều hành Android):



CẢNH BÁO:

Trường hợp người nộp thuế bị chiếm đoạt quyền sử dụng, phát hành hóa đơn điện tử, đề nghị người nộp thuế liên hệ Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh (Phòng Công nghệ thông tin) theo số điện thoại 028 3770 22 88 (bấm phím số 05) để được hỗ trợ kịp thời.

Trường hợp người nộp thuế phát hiện nhận được hóa đơn điện tử khi thực hiện rà soát thường xuyên trên Hệ thống hóa đơn điện tử mà thực tế không có giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ (người bán lập hóa đơn không), đề nghị người nộp thuế liên hệ đường dây nóng của Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh theo số điện thoại 028 3770 22 88 (bấm phím số 06) để được hỗ trợ.

II. Các chế tài xử lý vi phạm trong lĩnh vực hóa đơn

Căn cứ Điều 5, Điều 7, Điều 16, Điều 17, Điều 22, Điều 24, Điều 28, Điều 30, Điều 31 Nghị định số 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ; Điều 1 Nghị định số 102/2021/NĐ-CP ngày 16/11/2021 của Chính phủ quy định về nguyên tắc xử phạt vi phạm hành chính về hóa đơn, tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ và xử phạt các hành vi vi phạm cụ thể sau:

1. Nguyên tắc xử phạt vi phạm hành chính về hóa đơn (Điều 5 Nghị định số 125/2020/NĐ-CP)

- Tổ chức, cá nhân thực hiện nhiều hành vi vi phạm hành chính thì bị xử phạt về từng hành vi vi phạm.

- Đối với cùng một hành vi vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn thì mức

phạt tiền đối với tổ chức bằng 02 lần mức phạt tiền đối với cá nhân, trừ mức phạt tiền đối với hành vi quy định tại Điều 16, Điều 17 và Điều 18 Nghị định số 125/2020/NĐ-CP.

2. Nguyên tắc áp dụng mức phạt tiền (Điều 7 Nghị định số 125/2020/NĐ-CP)

Mức phạt tiền quy định tại Điều 10, 11, 12, 13, 14, 15, khoản 1, 2 Điều 19 và Chương III Nghị định số 125/2020/NĐ-CP là mức phạt tiền áp dụng đối với tổ chức.

Đối với người nộp thuế là hộ gia đình, hộ kinh doanh áp dụng mức phạt tiền như đối với cá nhân.

3. Xử phạt hành vi khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được miễn, giảm, hoàn (Điều 16 Nghị định số 125/2020/NĐ-CP)

- Phạt 20% số tiền thuế khai thiếu hoặc số tiền thuế đã được miễn, giảm, hoàn cao hơn so với quy định đối với một trong các hành vi sau đây:

+ Sử dụng hóa đơn, chứng từ không hợp pháp để hạch toán giá trị hàng hóa, dịch vụ mua vào làm giảm số tiền thuế phải nộp hoặc làm tăng số tiền thuế được hoàn, số tiền thuế được miễn, giảm nhưng khi cơ quan thuế thanh tra, kiểm tra phát hiện, người mua chứng minh được lỗi vi phạm sử dụng hóa đơn, chứng từ không hợp pháp thuộc về bên bán hàng và người mua đã hạch toán kế toán đầy đủ theo quy định.

- Biện pháp khắc phục hậu quả:

+ Buộc nộp đủ số tiền thuế thiếu, số tiền thuế được hoàn, miễn, giảm cao hơn quy định và tiền chậm nộp tiền thuế vào ngân sách nhà nước đối với hành vi quy định tại khoản 1 Điều 16.

Trường hợp đã quá thời hiệu xử phạt thì người nộp thuế không bị xử phạt theo quy định tại khoản 1 Điều 16 nhưng người nộp thuế phải nộp đủ số tiền thuế thiếu, số tiền thuế được hoàn, miễn, giảm cao hơn quy định và tiền chậm nộp tiền thuế vào ngân sách nhà nước theo thời hạn quy định tại khoản 6 Điều 8 Nghị định số 125/2020/NĐ-CP;

+ Buộc điều chỉnh lại số lỗ, số thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ chuyển kỳ sau (nếu có) đối với hành vi quy định tại khoản 1 Điều 16.

4. Xử phạt hành vi trốn thuế trong lĩnh vực hóa đơn (Điều 17 Nghị định số 125/2020/NĐ-CP)

- Phạt tiền 1 lần số thuế trốn đối với người nộp thuế có từ một tình tiết giảm nhẹ trở lên khi thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

+ Không lập hóa đơn khi bán hàng hóa, dịch vụ, trừ trường hợp người nộp thuế đã khai thuế đối với giá trị hàng hóa, dịch vụ đã bán, đã cung ứng vào kỳ tính thuế tương ứng; lập hóa đơn bán hàng hóa, dịch vụ sai về số lượng, giá trị hàng hóa, dịch vụ để khai thuế thấp hơn thực tế và bị phát hiện sau thời hạn nộp hồ sơ khai thuế;

+ Sử dụng hóa đơn không hợp pháp; sử dụng không hợp pháp hóa đơn để khai thuế làm giảm số thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được hoàn, số tiền thuế được miễn, giảm;

+ Sử dụng chứng từ không hợp pháp; sử dụng không hợp pháp chứng từ; sử

dụng chứng từ, tài liệu không phản ánh đúng bản chất giao dịch hoặc giá trị giao dịch thực tế để xác định sai số tiền thuế phải nộp, số tiền thuế được miễn, giảm, số tiền thuế được hoàn; lập thủ tục, hồ sơ hủy vật tư, hàng hóa không đúng thực tế làm giảm số thuế phải nộp hoặc làm tăng số thuế được hoàn, được miễn, giảm;

- Phạt tiền 1,5 lần số tiền thuế trốn đối với người nộp thuế thực hiện một trong các hành vi quy định tại khoản 1 Điều 17 mà không có tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ.

- Phạt tiền 2 lần số thuế trốn đối với người nộp thuế thực hiện một trong các hành vi quy định tại khoản 1 Điều 17 mà có một tình tiết tăng nặng.

- Phạt tiền 2,5 lần số tiền thuế trốn đối với người nộp thuế thực hiện một trong các hành vi quy định tại khoản 1 Điều 17 có hai tình tiết tăng nặng.

- Phạt tiền 3 lần số tiền thuế trốn đối với người nộp thuế thực hiện một trong các hành vi quy định tại khoản 1 Điều 17 có từ ba tình tiết tăng nặng trở lên.

- Biện pháp khắc phục hậu quả:

+ Buộc nộp đủ số tiền thuế trốn vào ngân sách nhà nước đối với các hành vi vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5 Điều 17.

Trường hợp hành vi trốn thuế theo quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5 Điều 17 đã quá thời hiệu xử phạt thì người nộp thuế không bị xử phạt về hành vi trốn thuế nhưng người nộp thuế phải nộp đủ số tiền thuế trốn, tiền chậm nộp tính trên số tiền thuế trốn vào ngân sách nhà nước theo thời hạn quy định tại khoản 6 Điều 8 Nghị định số 125/2020/NĐ-CP.

+ Buộc điều chỉnh lại số lỗ, số thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ trên hồ sơ thuế (nếu có) đối với hành vi quy định tại khoản 1, 2, 3, 4, 5 Điều 17.

5. Xử phạt hành vi vi cho, bán hóa đơn (khoản 2 Điều 22 Nghị định số 125/2020/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại Điều 1 Nghị định số 102/2021/NĐ-CP)

- Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi cho, bán hóa đơn, trừ hành vi quy định tại khoản 1 Điều 22.

- Biện pháp khắc phục hậu quả:

+ Buộc hủy hóa đơn đối với hành vi quy định tại Điều 22;

+ Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm hành chính tại Điều 22.

6. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về lập hóa đơn khi bán hàng hóa, dịch vụ (Điều 24 Nghị định số 125/2020/NĐ-CP)

- Phạt cảnh cáo đối với một trong các hành vi sau đây:

+ Lập hóa đơn không đúng thời điểm nhưng không dẫn đến chậm thực hiện nghĩa vụ thuế và có tình tiết giảm nhẹ;

+ Lập sai loại hóa đơn theo quy định đã giao cho người mua hoặc đã kê khai thuế, bên bán và bên mua phát hiện việc lập sai loại hóa đơn và lập lại loại hóa đơn đúng theo quy định trước khi cơ quan có thẩm quyền công bố quyết định thanh tra, kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế và không ảnh hưởng đến việc xác định nghĩa vụ thuế.

- Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.500.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

+ Không lập hóa đơn tổng hợp theo quy định của pháp luật về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ;

+ Không lập hóa đơn đối với các hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại, quảng cáo, hàng mẫu; hàng hóa, dịch vụ dùng để cho, biếu, tặng, trao đổi, trả thay lương cho người lao động, trừ hàng hóa luân chuyển nội bộ, tiêu dùng nội bộ để tiếp tục quá trình sản xuất.

- Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi lập hóa đơn không đúng thời điểm nhưng không dẫn đến chậm thực hiện nghĩa vụ thuế, trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 24.

- Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

+ Lập hóa đơn không đúng thời điểm theo quy định của pháp luật về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ, trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản 1, khoản 3 Điều 24;

+ Lập hóa đơn không theo thứ tự từ số nhỏ đến số lớn theo quy định, trừ trường hợp phạt cảnh cáo theo điểm b khoản 1 Điều 24;

+ Lập hóa đơn ghi ngày trên hóa đơn trước ngày mua hóa đơn của cơ quan thuế;

+ Lập sai loại hóa đơn theo quy định của pháp luật về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ và đã giao cho người mua hoặc đã kê khai thuế, trừ trường hợp phạt cảnh cáo theo điểm c khoản 1 Điều 24;

+ Lập hóa đơn điện tử khi chưa có thông báo chấp thuận của cơ quan thuế hoặc trước ngày cơ quan thuế chấp nhận việc sử dụng hóa đơn điện tử có mã hoặc không có mã của cơ quan thuế;

+ Lập hóa đơn bán hàng hóa, dịch vụ trong thời gian tạm ngừng hoạt động kinh doanh, trừ trường hợp lập hóa đơn giao cho khách hàng để thực hiện các hợp đồng đã ký trước ngày thông báo tạm ngừng kinh doanh;

+ Lập hóa đơn điện tử từ máy tính tiền không có kết nối, chuyên dữ liệu điện tử với cơ quan thuế.

- Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi không lập hóa đơn khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho người mua theo quy định, trừ hành vi quy định tại điểm b khoản 2 Điều 24.

- Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc lập hóa đơn theo quy định đối với hành vi quy định tại điểm d khoản 4, khoản 5 Điều 24 khi người mua có yêu cầu.

7. Xử phạt đối với hành vi sử dụng hóa đơn không hợp pháp, sử dụng không hợp pháp hóa đơn (Điều 28 Nghị định số 125/2020/NĐ-CP)

Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng hóa đơn không hợp pháp, sử dụng không hợp pháp hóa đơn quy định tại Điều 4 Nghị định 125/2020/NĐ-CP, trừ trường hợp được quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 16 và điểm d khoản 1 Điều 17 Nghị định 125/2020/NĐ-CP.

Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc hủy hóa đơn đã sử dụng.

8. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử (Điều 30 Nghị định số 125/2020/NĐ-CP)

- Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử cho cơ quan thuế quá thời hạn từ 01 đến 05 ngày làm việc, kể từ ngày hết thời hạn theo quy định.

- Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

+ Chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử đến cơ quan thuế quá thời hạn từ 06 đến 10 ngày làm việc, kể từ ngày hết thời hạn theo quy định;

+ Chuyển bảng tổng hợp dữ liệu hóa đơn điện tử không đầy đủ số lượng hóa đơn đã lập trong kỳ.

- Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

+ Chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử đến cơ quan thuế quá thời hạn từ 11 ngày làm việc trở lên, kể từ ngày hết thời hạn theo quy định;

+ Không chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử cho cơ quan thuế theo thời hạn quy định.

- Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử đến cơ quan thuế đối với hành vi quy định tại điểm b khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều 30.

9. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về cung cấp dịch vụ hóa đơn (Điều 31 Nghị định số 125/2020/NĐ-CP)

Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

Cung cấp phần mềm hóa đơn điện tử không đảm bảo nguyên tắc theo quy định của pháp luật về hóa đơn.

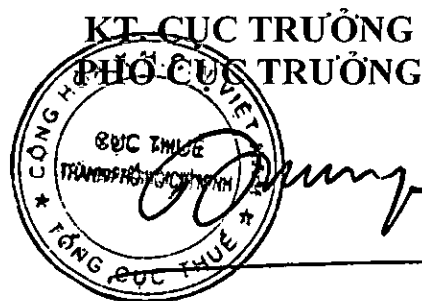
Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh trân trọng thông báo đến người nộp thuế được biết. / *Tu*

Nơi nhận:

- Người nộp thuế trên địa bàn Tp.HCM;
- Tổng cục Thuế (“để báo cáo”);
- BLĐ Cục Thuế (“để báo cáo”);
- Các Phòng, Chi Cục Thuế (“để gửi NNT”);
- Lưu: VT, TTHT, Web.

(pthuong4.3b)

150513



Nguyễn Tiến Dũng